

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Tháng 3/2024

ĐV: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm				Dự toán được sử dụng	Thực hiện trong tháng	Thực hiện lũy kế	So sánh TH/DT		Nguyên nhân không chi hết dự toán
			Dầu năm	Bổ sung	Giảm	Tổng số				Tỷ lệ %	Số tuyệt đối	
1	2	3	4	5	6	7=4+5-6	8=3+7	9	10	11=10/8	12=10-8	13
	Tổng số	1.456.244,188	12.577.000,000	-	-	12.577.000,000	14.033.244,188	434.208,907	1.552.828,720		(12.480,415,468)	
1	Kinh phí tự chủ, thường xuyên		6.135.000,000	-	-	6.135.000,000	6.135.000,000	431.630,840	1.372.169,462	22%	(4.762,830,538)	
2	Kinh phí cải cách tiền lương	1.414.744,188	6.186.000,000	-	-	6.186.000,000	7.600.744,188	1.228,067	179.309,258		(7.421,434,930)	
	Chi thu nhập tăng thêm	1.402.108,079	6.005.000,000			6.005.000,000	7.407.108,079	-			(7.407.108,079)	
	Chi tăng lương cơ sở	12.636,109	181.000,000			181.000,000	193.636,109	1.228,067	179.309,258	93%	(14.326,851)	
3	Kinh phí không tự chủ	41.500,000	256.000,000			256.000,000	297.500,000	1.350,000	1.350,000	0%	(296,150,000)	
3.3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo											
	Mua sắm tập trung máy Photocopy	41.500,000				-	41.500,000				(41.500,000)	
	Chế độ trả lương thêm giờ		120.000,000			120.000,000	120.000,000	-	-		(120.000,000)	
	Phụ cấp đối với nhà giáo dạy hòa nhập cho HS khuyết tật		105.000,000			105.000,000	105.000,000	-	-		(105.000,000)	
	Hỗ trợ viên chức làm công tác y tế trường học		11.000,000			11.000,000	11.000,000	1.350,000	1.350,000	12%	(9.650,000)	
	Miễn, giảm tiền học Hai buổi và hỗ trợ chi phí học tập		20.000,000			20.000,000	20.000,000	-	-		(20.000,000)	

Kinh phí không tự chủ: chi tiết từng nội dung chi.

Thuyết minh nguyên nhân chi không hết dự toán được sử dụng.

Phụ trách kế toán

Trần Thị Tuyền

Ngày 8 tháng 05 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Huỳnh Diễm Thúy

CÔNG KHAI THU - CHI CÁC NGUỒN THU, CÁC QUỸ
THÁNG 3/2024

Đơn vị tính: đồng

TT	Mã đối tượng	Tên nguồn	Dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	Ghi chú
				Thu	Chi		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4) = (1)+(2)-(3)	(5)
1	HP16	Tiếng Anh tích hợp	506.445.570		77.263.200	429.182.370	
2	HP27	Tiền học "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế"	1.912.752.206	1.238.370.600	1.269.886.974	1.881.235.832	
3	HPCB	Cấp bù học buổi hai	1.097.600	0	0	1.097.600	
4	KH01	Trích lại từ BHYT hs	43.548.530	0	22.925.000	20.623.530	
5	KH20	Tiền suất ăn trưa bán trú	252.889.099	508.402.000	314.162.145	447.128.954	
6	KH21	Tiền ăn chi đề kiểm tra	1.983.579	0	0	1.983.579	
7	KH23	Tiền nước uống	40.936.000	15.480.000	7.400.000	49.016.000	
8	KH28	Phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	333.709.681	142.860.000	237.273.544	239.296.137	
9	KH50	Thuế cho thuê mặt bằng	1.155.000	0	0	1.155.000	
10	KH99	Tiền khác (KT các danh hiệu thi đua)	46.214.000	0	0	46.214.000	
11	NCCTL3	Nguồn CCTL từ thu SN	555.781.854	0	88.552.369	467.229.485	
12	SN03	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	18.969.188	0	1.323.000	17.646.188	
13	SN04	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	621.755.571	0	49.200.000	572.555.571	
14	SN05	Quỹ khen thưởng	75.912.798	0	0	75.912.798	
15	SN06	Quỹ phúc lợi	664.522.209	0	0	664.522.209	
16	TH12	Nha học đường	14.783.938	0	0	14.783.938	
17	TH99	Thu hộ, chi hộ khác	66.743.286	0	0	66.743.286	
18	TLNH	Tiền lãi Ngân hàng	339.685	393.968	0	733.653	
Cộng			5.159.539.794	1.905.506.568	2.067.986.232	4.997.060.130	

Kế toán



Trần Thị Tuyền

Quận 8, ngày 31 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Huỳnh Diễm Thúy